

Question & Answer of the joint Seminar by ISPONRE and JEAS to explain the Revised Environment Protection Law (LEP2020) in Vietnam

※回答の原文はベトナム語です。和訳は参考であるため正確な記述に関しては原文をご参照ください。

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
1	<p>貴重なご講演ありがとうございます。 本日もご紹介頂く、法令・決議等について、日本語訳、もしくは英訳、もしくはベトナム語原文をまとめてご共有頂けますでしょうか？</p>	<p>Cảm ơn bài giảng quý giá của bạn. Xin ông vui lòng chia sẻ bản dịch tiếng Nhật, tiếng Anh hoặc bản gốc tiếng Việt của các luật, nghị quyết mà ông muốn giới thiệu hôm nay?</p>	<p>提示された文書の英語版は、ベトナムの法的文書の提供を専門とするウェブサイトで見つけることができます。注：一部のサイトは無料ですが、一部のサイトにはサービス料がかかります。オリジナルと比較して正確な翻訳を得るには、信頼できるサイトを選択する必要があります。</p>	<p>Bản tiếng Anh của các văn bản đã trình bày có thể được tìm thấy trên các trang web chuyên về cung cấp văn bản pháp luật của Việt Nam. Lưu ý: một số trang là miễn phí, một số trang là có tính phí dịch vụ. Nên chọn trang có uy tín để chắc chắn có bản dịch chính xác so với bản gốc</p>
2	<p>1. 企業は生産を行わず、工場や倉庫にも投資せず、輸入、輸出、およびビジネスのみを行います。しかし、有害廃棄物が発生した場合、それはどのグループに属するのでしょうか？ 2. 以前は、2015年決定16号に従って、当社は顧客のために廃棄された製品を回収し、一時的に保管し、専門の処理ユニット（電子機器および有害廃棄物を含む）に移送していました。新しい規制に従って、従来のように顧客から廃棄物を回収し続けることが適切でしょうか？</p>	<p>1. Doanh nghiệp không sản xuất, không đầu tư nhà máy kho xưởng, chỉ xuất nhập khẩu và kinh doanh. Tuy nhiên có phát sinh chất thải nguy hại thì thuộc nhóm nào? 2. Trước đây theo quyết định 16/2015, chúng tôi có thực hiện thu hồi sản phẩm thải bỏ cho khách hàng, lưu kho tạm và chuyển giao cho đơn vị có chuyên ngành xử lý (gồm thiết bị điện tử và chất thải nguy hại). Theo quy định mới, chúng tôi tiếp tục thu hồi sản phẩm thải bỏ KH như quy trình cũ thì có phù hợp hay không?</p>	<p>1. 初期情報によると、プロジェクトは生産を行わず、工場や倉庫に投資せず、輸入、輸出、ビジネスのみを行うため、グループIVに属することができ、プロジェクトには環境に悪影響を与えるリスクはありません。有害廃棄物の発生要因は、プロジェクトのグループ化の基礎ではありません。正確にグループ化するには、プロジェクトに関する具体的な情報を入手し、政令No. 08/2022/ND-CPの付録III、IV、およびVと比較する必要があります。 2. 廃棄製品のリコールに関する規制は、2020年環境保護法第54条および第55条によって更新され、政令No. 08/2022/ND-CPの第77条から第88条に詳細が規定されています。したがって、リストにある製品の製造業者または輸入業者は、リサイクルの責任、または廃棄された製品の廃棄の責任（拡張生産者責任、拡張生産者責任 - EPR と呼ばれます）を履行しなければなりません。</p>	<p>1. Với thông tin ban đầu: dự án không sản xuất, không đầu tư nhà máy kho xưởng, chỉ xuất nhập khẩu và kinh doanh thì có thể thuộc nhóm IV, dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Yêu tố có phát sinh chất thải nguy hại không phải là căn cứ phân nhóm dự án. Để có thể phân nhóm chính xác thì cần có thông tin cụ thể của dự án và đối chiếu với các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/ND-CP. 2. Quy định về thu hồi sản phẩm thải bỏ đã được Luật BVMT năm 2020 cập nhật tại các Điều 54 và 55, được quy định chi tiết tại các Điều từ 77 đến 88 Nghị định số 08/2022/ND-CP. Theo đó, nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu các sản phẩm trong danh mục phải thực hiện trách nhiệm tái chế hoặc trách nhiệm xử lý sản phẩm thải bỏ (gọi là trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, Extended Producer's Responsibilities - EPR).</p>
3	<p>主催者のメールには「改正環境保護法（LEP2020）が今年一部改正される予定です」とありました。しかし、ドキュメントを確認したところ、この部分については何も言及されていませんでした。専門家の説明の中に、この部分についての言及はありましたか？</p>	<p>Cho em hỏi, trong mail ban tổ chức có nói: "Revised Law on Environmental Protection (LEP2020) is planned for partial revises this year". Tuy nhiên em xem qua tài liệu thì không thấy chỗ nào nói đến phần này. Vậy trong phần diễn giải của các chuyên gia có nhắc gì đến phần này không, và do ai trình bày ạ?</p>	<p>2020年環境保護法は2022年1月1日から発効し、現時点ではこの法律を改正または補足する計画はありません。 2022年1月10日に発行された政令No. 08/2022/ND-CPおよび2022年1月10日に発行された天然資源環境省の通達No. 02/2022/TT-BTNMTは02の文書です。これら2つの文書は、修正と補足が検討されている段階です。 現時点では、特定の修正および追加に関する情報を提供することはできませんが（公布が署名されるのは確実です）、関連する修正および追加の方向性は決定される予定です。スライドには、EIAの対象となる対象を減らし、地方自治体がEIA報告書の評価を実施するための地方分権化を引き続き推進することが記載されています。</p>	<p>Luật BVMT năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 và hiện không có kế hoạch sửa đổi, bổ sung Luật này. Nghị định số 08/2022/ND-CP của Chính phủ ban hành ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 là 02 văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2020. Hai văn bản này đang trong quá trình xem xét sửa đổi, bổ sung. Ở thời điểm hiện tại, chưa thể cung cấp thông tin đến quy vị về các nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể (cho đến khi ký ban hành mới có thể chắc chắn), nhưng định hướng việc sửa đổi, bổ sung liên quan đến ĐTM thì đã được nêu tại slide: giảm đối tượng phải ĐTM và tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp cho địa phương thực hiện thẩm định báo cáo ĐTM</p>
4	<p>改正政令 08/2022/ND-CP の進捗状況を教えてください。公布予定時期はいつですか？</p>	<p>Cảm ơn bài phát biểu của TS Phạm Thanh Tuấn. Anh cho em hỏi tiến trình về Nghị định 08/2022/ND-CP sửa đổi ạ. Dự kiến thời gian ban hành!</p>	<p>計画によれば、天然資源環境省は2024年2月に政府に提出する必要があると、天然資源環境省は期限通りに政府に提出しました。 政府は署名と公布のプロセスを検討しています。発行予定日は現時点では未定です。</p>	<p>Theo kế hoạch thì Bộ TN&MT phải trình Chính phủ trong tháng 2/2024 và Bộ TN&MT đã trình Chính phủ theo đúng thời hạn được giao. Chính phủ đang xem xét theo quy trình để ký ban hành. Thời điểm dự kiến ban hành hiện chưa có thông tin</p>

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
5	主催者からのメールにはこう書かれていました。2020年環境保護法は今年一部改正される予定です。それでは、予想される改正案のどの部分になるのでしょうか？	Cho em hỏi, trong email của ban tổ chức có nói: Luật bảo vệ môi trường 2020 có kế hoạch sửa đổi 1 phần trong năm nay. Vậy phần sửa đổi dự kiến sẽ là phần nào ạ?	現時点では、2020年環境保護法を改正および補足する計画はありませんが、法律の施行の詳細と指針を記載した文書、政令 No. 08/2022/ND-CP を改正および補足する計画のみがあります。政府の政令第08/2022/ND-CP号と天然資源環境省の通達第02/2022/TT-BTNMT号です。上記の修正と補足は両方とも現在公布の過程にあります。	Hiện không có kế hoạch sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, mà chỉ có kế hoạch sửa đổi, bổ sung văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật là Nghị định số 08/2022/ND-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ TN&MT. Cả 02 văn bản sửa đổi, bổ sung nói trên hiện đang trong quá trình trình ban hành.
6	プロジェクトをより大規模にアップグレードする場合、投資ライセンスが最初に変更されるのでしょうか、それともEIAが最初に構築されるべきでしょうか？最初に事前作業が必要で、その後投資証明書を発行し、その後EIAを実行する必要があるケースはありますか？	Xin cho e hỏi trong trường hợp nâng cấp dự án lên quy mô lớn hơn thì sẽ thay đổi giấy phép đầu tư trước hay là xây dựng ĐTM trước ạ? Có trường hợp nào yêu cầu phải làm sơ bộ trước rồi mới cấp giấy chứng nhận đầu tư, rồi sau đó mới thực hiện ĐTM không ạ?	1. 問題の「投資許可」が「投資登録証明書」なのかどうかは不明です。もし「投資登録証明書」であるならば、環境投資法には、EIAを先に実施することや、投資登録証明書を先に変更することは規定されていません。実際、企業はEIAを実施する前に投資登録証を変更することが多いです。 2. 環境保護法の規定により、企業が第1グループの投資プロジェクトの規模までプロジェクト能力を拡大または増加し、所有者の承認決定の変更または調整の対象となる場合、投資法の規定による投資方針は、環境影響の事前評価を必要とします。	1. Chưa rõ "giấy phép đầu tư" trong câu hỏi có phải là "giấy chứng nhận đăng ký đầu tư" hay không? Nếu đúng là "giấy chứng nhận đăng ký đầu tư" thì pháp luật về đầu tư về môi trường đều không có quy định về việc thực hiện ĐTM trước hay thay đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước. Trên thực tế, doanh nghiệp thường thay đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thực hiện ĐTM. 2. Trường hợp doanh nghiệp có mở rộng hoặc nâng công suất dự án lên đến quy mô dự án đầu tư nhóm I theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thuộc đối tượng thay đổi, điều chỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường.
7	EIAを行う前に、企業はどのグループに分類されるべきでしょうか、あるいは機関や部門に相談すべきでしょうか？トゥアン氏が言ったように、多くの分類要素があるため、分類するのは非常に困難です。	BTC cho em hỏi doanh nghiệp trước khi làm ĐTM phải tự phân loại mình ở nhóm nào hay tham vấn ý kiến ở cơ quan đơn vị nào ạ. Vì như anh Tuấn có nói là rất khó phân loại vì có nhiều yếu tố phân loại	2020年環境保護法では、「事後監査」の仕組みが強化されました。これは、具体的なケースに法律の規定を適用する際の、組織や個人の自主性を高めることを意味します。原則として、プロジェクトを特定しグループ化する責任はプロジェクト・オーナーにあります。プロジェクト・オーナーは、自らこれを行うこともできるし、コンサルタントを雇うこともできます。プロジェクトのグルーピングを決定するのは、そのプロジェクトに関する十分な情報がない場合には難しいです。しかし、プロジェクトオーナーであれば、自分のプロジェクトに関する具体的な正確な情報を必ず持っているはずで、プロジェクトオーナーは、環境保護に関する法的規制と比較する際、プロジェクトをグループ化する上で最も有利な単位となります。	Luật BVMT năm 2020 đã tăng cường cơ chế "hậu kiểm", có nghĩa là tăng tính tự chủ của tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng quy định của pháp luật cho trường hợp cụ thể của mình. Về nguyên tắc, trách nhiệm xác định và phân nhóm dự án là của Chủ dự án. Chủ dự án có thể tự mình hoặc thuê tư vấn để thực hiện việc này. Việc xác định phân nhóm dự án sẽ gặp khó khăn khi không có đủ thông tin về dự án đó. Tuy nhiên, với tư cách là Chủ dự án, chắc chắn sẽ có thông tin cụ thể, chính xác về dự án của chính mình. Chủ dự án sẽ là đơn vị thuận lợi nhất khi đối chiếu với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để phân nhóm dự án.
8	企業がEIAやLand Clearanceで承認された内容を変更する場合、特定の場合に承認機関に報告する必要はないのでしょうか？	Cho em hỏi thêm trong trường hợp doanh nghiệp có thay đổi nội dung đã được phê duyệt ĐTM hoặc GPMT thì trường hợp cụ thể thì ko phải báo cáo cơ quan phê duyệt ạ	プロジェクトの規模と種類の具体的なケースに依存するため、質問の範囲は広すぎます。実施時期（プロジェクトは建設中で、プロジェクトは稼働を開始し、稼働施設になっています...）；プロジェクトの初期環境手順（EIAに属する/対象外、環境ライセンスに該当する/対象外など）には、対応する規制が適用されます。 場合によっては、企業が何の手続きも行わずに自らの判断で責任を負う場合もあります（例えば、環境保護法第37条第4項cに規定され、環境保護法第37条第4項cに規定されている場合）環境ライセンスについて）。	Câu hỏi có phạm vi quá rộng vì tùy trường hợp cụ thể về quy mô, loại hình dự án; thời điểm triển khai (dự án đang trong quá trình xây dựng, dự án đã đi vào vận hành và trở thành cơ sở hoạt động...); thủ tục môi trường ban đầu của dự án (thuộc/không thuộc đối tượng ĐTM; thuộc/không thuộc đối tượng cấp GPMT...) sẽ có quy định tương ứng. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp tự quyết định và tự chịu trách nhiệm, không phải thực hiện bất kỳ thủ tục gì (ví dụ trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 37 Luật BVMT và không thuộc đối tượng cấp GPMT).

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
9	<p>3ページ目の「環境影響一般評価」とEIAの関係性について、環境影響一般評価の実施対象とEIAの実施対象が異なりますが、これらの関係性はどのようなものか。EIAの分類として環境影響一般評価が入っているのか、それとも改正前と改正後のものなのか関係性についてご教示ください。</p> <p>3ページ目（環境影響一般評価）の実施対象と5ページ目（EIA）の実施対象が違う一方で、3ページ目の実施内容と6ページ目の実施内容の違いがわからないため、質問をしているものです。基本的なことでは恐縮ですが、お願いいたします。</p>	<p>Về mối quan hệ giữa ĐTM SƠ BỘ và ĐTM ở trang 3, mục tiêu thực hiện ĐTM SƠ BỘ và mục tiêu thực hiện ĐTM là khác nhau, nhưng mối quan hệ giữa chúng là gì? Xin vui lòng cho tôi biết liệu ĐTM SƠ BỘ có được đưa vào phân loại ĐTM hay không hoặc trước và sau khi sửa đổi.</p> <p>Tôi đặt câu hỏi này vì tôi không hiểu sự khác biệt giữa nội dung thực hiện trang 3 và trang 6, trong khi mục tiêu thực hiện trang 3 “ĐTM SƠ BỘ” và trang 5 “EIA” là khác nhau. Tôi xin lỗi vì những điều cơ bản, nhưng làm ơn</p>	<p>政令 No. 08/2022/ND-CP の付録 III に指定されているグループ I の投資プロジェクトは、環境に悪影響を与えるリスクが高いプロジェクトです。このグループのプロジェクトでは、次の両方の手順を実行する必要があります。</p> <p>(1) 予備的環境影響評価（一般的環境影響評価）：プロジェクトの事前実行可能性調査（pre-FS）段階で実施され、予備的環境影響評価の結果は、申請書類に統合された報告書として、投資政策に基づき、所管の国家機関が考慮します。プロジェクトの投資方針を承認/承認するための評価プロセスと同時に進められます。（グループ II、III、および IV のプロジェクトは、予備的な環境影響評価を実行する必要はありません）。</p> <p>(2) 環境影響評価：プロジェクト実行可能性調査（FS）段階で実施され、環境影響評価結果は環境影響評価報告書（別報告書）として、評価と承認のために所管の州機関に送信されます。承認された環境影響評価報告書は、プロジェクト投資承認の基礎の一つです。</p>	<p>Dự án đầu tư nhóm I quy định tại Phụ lục III Nghị định số 08/2022/ND-CP là các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao. Với các dự án thuộc nhóm này thì phải thực hiện cả 02 thủ tục:</p> <p>(1) Đánh giá sơ bộ tác động môi trường: thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi dự án (pre-FS), kết quả đánh giá sơ bộ tác động môi trường là báo cáo lồng ghép trong hồ sơ xin cấp chủ trương đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đồng thời với quá trình thẩm định để chấp thuận/phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;</p> <p>(Dự án nhóm II, III và IV không phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường).</p> <p>(2) Đánh giá tác động môi trường: thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu khả thi dự án (FS), kết quả đánh giá tác động môi trường là báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo riêng), gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thẩm định, phê duyệt. Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt là một trong các căn cứ để phê duyệt đầu tư dự án.</p>
10	<p>EIA報告書は新規事業を対象にしたものでしょうか、既に営業している企業もEIA報告書を作成する必要がありますでしょうか。</p>	<p>Báo cáo ĐTM dành cho doanh nghiệp mới hay công ty đã kinh doanh cũng cần lập báo cáo ĐTM?</p>	<p>規制によれば、EIA の対象は投資プロジェクトです。その意味は：</p> <p>(1) EIA は、投資計画や規模の拡大や生産能力の増加の計画、つまり現実にはまだ起こっていないものに適用されます。EIA は運営施設には適用されません。</p> <p>(2) EIA は企業には適用されませんが、企業の投資プロジェクトに適用されます（企業は多数の投資プロジェクトを持つことができ、EIA を実施する必要があるプロジェクトの場合は、投資プロジェクトごとに EIA が実施されます）。</p> <p>EIA を必要とするリストにあるプロジェクトのみがこれを行う必要があります。</p> <p>EIA の対象となる主題は政令 No. 08/2022/ND-CP で指定されており、具体的には付録 III 全体（グループ I プロジェクト）、付録 IV のセクション II および III（グループ II プロジェクトの一部）です。</p>	<p>Theo quy định thì đối tượng của ĐTM là dự án đầu tư. Điều đó có nghĩa là:</p> <p>(1) ĐTM áp dụng cho những dự kiến đầu tư hoặc dự kiến mở rộng quy mô, nâng cao công suất, tức là những gì chưa xảy ra trên thực tế. ĐTM không áp dụng cho cơ sở đang hoạt động.</p> <p>(2) ĐTM không áp dụng cho doanh nghiệp, mà áp dụng cho dự án đầu tư của doanh nghiệp (một doanh nghiệp có thể có nhiều dự án đầu tư và việc ĐTM thực hiện cho từng dự án đầu tư đó, nếu dự án thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM).</p> <p>Chỉ những dự án thuộc danh mục phải ĐTM mới phải thực hiện việc này.</p> <p>Đối tượng phải ĐTM quy định tại Nghị định số 08/2022/ND-CP, cụ thể: toàn bộ Phụ lục III (dự án nhóm I), mục II và III Phụ lục IV (một phần dự án nhóm II)</p>
11	<p>事業を2013年から実施しており、環境取り組み証明書を取得しています。2020年環境保護法に基づき企業は何を行う必要があるか、あるいは環境公約文書を遵守し続ける必要があるのでしょうか？</p>	<p>Doanh nghiệp đã đi vào hoạt động từ năm 2013 và đã có Giấy cam kết môi trường. Nay theo luật môi trường năm 2020 doanh nghiệp cần phải làm gì hay tiếp tục thực hiện theo Giấy cam kết môi trường? Xin cảm ơn!</p>	<p>第 42 条第 2 項 d の規定によると、生産施設はこの法律の発効日から 36 か月以内に環境ライセンスを取得しなければなりません。したがって、企業は 2024 年 12 月 31 日までに現在の規制に従って環境ライセンスを申請する必要があります。</p>	<p>Theo quy định tại điểm d, khoản 2, điều 42, Cơ sở sản xuất, phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Như vậy, doanh nghiệp cần phải làm Giấy phép môi trường theo quy định hiện hành trước ngày 31/12/2024.</p>
12	<p>すでにグループ1に認定されているプロジェクトを実施している事業所が、グループ1に該当しないプロジェクトを計画する場合、EIAの実施は不要でしょうか。要否はどのように確認すれば良いのでしょうか？</p>	<p>Nếu một doanh nghiệp đang thực hiện một dự án đã được chứng nhận là Nhóm 1 dự định thực hiện một dự án không thuộc Nhóm 1, thì có cần thiết phải tiến hành ĐTM không? Làm cách nào để kiểm tra xem nó có cần thiết không?</p>	<p>EIA の対象は投資プロジェクトであり、企業ではありません。企業が多数の投資プロジェクト（異なる投資登録証明書または投資決定を有する）を有する場合、各投資プロジェクトは個別にEIAを受けなければなりません（各プロジェクトがEIAの対象である場合）。</p>	<p>Đối tượng ĐTM là dự án đầu tư chứ không phải là doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp 1 doanh nghiệp có nhiều dự án đầu tư (có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định đầu tư khác nhau) thì từng dự án đầu tư thực hiện ĐTM (nếu từng dự án đó thuộc đối tượng ĐTM) riêng biệt.</p>

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
13	<p>環境影響一般評価について聞きたいです。</p> <ul style="list-style-type: none"> ・どのような書類の提出が必要になるのでしょうか？ ・EIA実施における課題点や範囲をあらいだすものと認識しておりますが、EIA実施の前に行って承認を得た後にEIA申請書類を準備するというフローでしょうか？ 	<p>Mình muốn hỏi về ĐTM SỐ BỘ</p> <ul style="list-style-type: none"> ・ Tôi cần nộp những loại giấy tờ gì? ・ Tôi hiểu rằng mục đích của nó là xác định các vấn đề và phạm vi thực hiện ĐTM, nhưng quy trình này có liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ đăng ký ĐTM sau khi được phê duyệt trước khi thực hiện ĐTM không? 	<p>環境影響の予備評価は、政令 No. 08/2022/ND-CP の付録 III に指定されているグループ I の投資プロジェクトにのみ適用されます。</p> <p>予備的な環境影響評価は、プロジェクトの事前実現可能性調査 (pre-FS) 段階で実施され、予備的な環境影響評価の結果は、投資政策の申請書に組み込まれた報告書として作成され、所管の国家機関が評価と同時に審査します。プロジェクトの投資方針を承認/承認するプロセスです。</p> <p>提出書類：投資方針提案書の一部として、投資方針承認決定申請書とともに提出します。</p> <p>事前環境影響評価の内容の一つは、環境影響評価を実施する過程で留意すべき主な環境問題と環境影響の範囲を特定することです。これはEIAを実施するための基盤の1つです。</p>	<p>Đánh giá sơ bộ tác động môi trường chỉ áp dụng đối với Dự án đầu tư nhóm I quy định tại Phụ lục III Nghị định số 08/2022/ND-CP.</p> <p>Đánh giá sơ bộ tác động môi trường thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi dự án (pre-FS), kết quả đánh giá sơ bộ tác động môi trường là báo cáo lồng ghép trong hồ sơ xin cấp chủ trương đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đồng thời với quá trình thẩm định để chấp thuận/phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.</p> <p>Giấy tờ cần nộp: là một phần của đề xuất chủ trương đầu tư, nộp cùng với hồ sơ xin cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>Một trong các nội dung của đánh giá sơ bộ tác động môi trường là xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường. Đây là một trong các căn cứ để thực hiện ĐTM.</p>
14	<p>ライセンスを取得した後に他の機械や設備が追加されました。この機械や設備を追加すると、GPMT の調整が必要になりますか？環境ライセンスの調整・更新に必要な条件は何ですか？</p>	<p>BTC cho hỏi, DN đã được cấp GPMT. Tuy nhiên, sau đó có bổ sung thêm 1 số máy móc thiết bị khác. Việc thêm máy móc thiết bị này có dẫn đến phải điều chỉnh GPMT hay không? Điều kiện bắt buộc phải điều chỉnh/làm mới GPMT là gì?</p>	<p>- 2020 年環境保護法第 44 条第 2 項、第 3 項は、環境ライセンスを「調整または再発行」しなければならない場合を規定しています。したがって、機械・設備の追加により環境ライセンスの許可内容が変更される場合（排水、排気ガス、騒音、振動などの変更）には修正が必要となります。規模、生産能力の拡大、生産技術の変更、または付与された環境ライセンスと比較して環境への悪影響を増大させるその他の変更を行う場合は、新たな環境ライセンスを申請する必要があります。</p>	<p>- Khoản 2, khoản 3, Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định các trường hợp phải "điều chỉnh hoặc cấp lại GPMT". Vì vậy, việc bổ sung thêm máy móc/thiết bị nếu làm thay đổi các nội dung được cấp phép trong GPMT (thay đổi liên quan đến nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung,...) thì phải điều chỉnh GPMT; nếu làm tăng quy mô, công suất hoặc thay công nghệ sản xuất hoặc thay đổi kh ác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với ĐTM đã được cấp thì phải làm hồ sơ xin cấp lại GPMT.</p>
15	<p>EIA 承認の決定は土地使用許可が承認された時点で失効する、とおっしゃっていると聞きました。では、EIA を承認する決定の実施要件は企業が遵守する責任はなく、環境ライセンスを承認する決定の要件を遵守するだけでよいということになるのでしょうか？</p>	<p>Em nghe anh trình bày rằng quyết định phê duyệt ĐTM sẽ hết hiệu lực khi được phê duyệt GPMT. Như vậy các yêu cầu thực hiện trên quyết định phê duyệt ĐTM doanh nghiệp sẽ không có trách nhiệm phải tuân thủ, chỉ cần tuân thủ các yêu cầu trên quyết định phê duyệt GPMT? em cảm ơn!</p>	<p>環境保護法第 42 条第 6 項の規定によると、「環境ライセンスの発効日から、環境影響評価報告書および構成要素環境ライセンスの評価結果の承認決定は失効する」とされています。</p> <p>したがって、環境ライセンスが付与されると、企業は EIA 報告書を承認する決定に従う責任はなくなり、環境ライセンスの要件に従うだけで済みます。</p>	<p>Theo quy định tại khoản 6 Điều 42 Luật BVMT: "Kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thành phần hết hiệu lực". Như vậy khi được cấp GPMT, doanh nghiệp không còn trách nhiệm tuân thủ quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, mà chỉ cần tuân thủ yêu cầu của GPMT</p>
16	<p>EIA 報告書の承認された内容に変更があった場合に、プロジェクト所有者が EIA 報告書を承認する機関に報告しなければならないという要件はなくなりました。では、企業が環境保護プロジェクトの承認リストに含まれていない新しい機械や設備（廃棄物発生源）に投資した場合、承認機関に通知する必要があるのでしょうか？</p>	<p>Không còn quy định chủ dự án phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM khi có thay đổi nội dung được phê duyệt trong báo cáo ĐTM.</p> <p>Vậy cty có đầu tư thêm máy móc, thiết bị mới (có phát sinh nguồn thải) nằm ngoài danh mục được phê duyệt trong đề án BVMT thì có phải thông báo cho cơ quan phê duyệt không?</p>	<p>企業は、承認された内容に変更や調整があった場合に、EIA 報告書を承認する機関に通知する必要はありません。代わりに、企業は、調整および変更のための対応する行政手続き (EIA/GPMT/環境登録) の対象となる場合、これらの手続きを実行する必要があります。</p> <p>企業は法的規制を積極的に調査し、自社のケースに適切な行政手続き（存在する場合）を適用します。</p>	<p>Doanh nghiệp không phải thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM khi có thay đổi, điều chỉnh nội dung đã được phê duyệt. Thay vào đó, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục hành chính tương ứng đối với các nội dung điều chỉnh, thay đổi (ĐTM/GPMT/đăng ký môi trường), nếu thuộc đối tượng phải thực hiện các thủ tục này.</p> <p>Doanh nghiệp chủ động nghiên cứu quy định của pháp luật để áp dụng thủ tục hành chính phù hợp (nếu có) cho trường hợp của mình.</p>
17	<p>P7の意見徴収について、専門家への意見徴収は今までもあったかと思えます。2020規制の追加点としては、EIA報告書報告書をWebにアップロードした後に閲覧者からの意見をもとめることであり、その期間のうちにEIAが承認されるという認識が良いでしょうか？</p>	<p>Về việc lấy ý kiến ở trang 7, tôi cho rằng trước đây đã được lấy ý kiến từ các chuyên gia.</p> <p>Hiểu rằng một điểm bổ sung trong quy định năm 2020 là người xem sẽ lấy ý kiến sau khi báo cáo ĐTM được tải lên web và ĐTM sẽ được phê duyệt sau thời gian đó có đúng không?</p>	<p>EIA 協議はプロジェクト所有者の責任であり、EIA 報告書の作成プロセス中に、評価と承認のために州機関に送付する前に実施されます。</p>	<p>Việc tham vấn ĐTM là trách nhiệm của Chủ dự án và thực hiện trong quá trình lập báo cáo ĐTM, trước khi gửi cơ quan nhà nước để thẩm định và phê duyệt.</p>

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
18	私の会社は電子部品を生産しており、生産能力は年間1,280万製品ですが、重量に換算すると重量が1,000トン/年未満で、グループIIに属しますか？	Thưa BTC, Cty em sx linh kiện điện tử, công suất 12,8 triệu sp/năm, tuy nhiên trọng lượng <1,000 tấn/năm, nếu chuyển sang trọng lượng thì có thuộc nhóm II không. Xin cảm ơn	プロジェクトがプロジェクトグループとして識別されるには、1つの基準を満たすだけで済みます。年間100万個を超える製品の電気および電子部品を生産するプロジェクトは、量に関係なくグループIとして識別されます。逆に、1,000トン/年強がグループIに含まれる場合、製品の量を気にする必要はありません。	Dự án chỉ cần đáp ứng 1 tiêu chí là đã xác định được nhóm dự án. Dự án sản xuất linh kiện điện, điện tử trên 1 triệu sản phẩm/năm được xác định thuộc nhóm I, không cần quan tâm khối lượng bao nhiêu tấn; hoặc trường hợp ngược lại, chỉ cần trên 1.000 tấn/năm là thuộc nhóm I, không cần quan tâm đến số lượng bao nhiêu sản phẩm.
19	EIAは2014年に承認されました(2005年のMT法に基づく)が、現在は容量に違いがある(製品数が増加している)ため、EIAをやり直す必要がありますか？	thưa Dr. ĐTM được phê duyệt năm 2014 (theo luật MT 2005) đến nay đã khác về công suất (tăng số lượng sản phẩm lên) thì có phải làm lại ĐTM k	この質問に答えるには、製品の種類、容量増加前後の容量、プロジェクトの場所、投資資本の規模、実施状況など、より具体的な情報が必要です。以下の2つの基本的な質問を決定する必要があります。 (1) 容量の増加は現在実施されていますか？ (2) 総容量(現在生産中の部分と容量増加が見込まれる部分の両方)は、政令 No. 08/2022/ND-CP の付録 III またはパート II、パート III 付録 IV の規定の対象ですか？ - 上記の質問の両方に「はい」と答えた場合、企業はEIAに関する規制に違反しており、法律の規定に従って処理されます。 - 質問(1)に「はい」、質問(2)に「いいえ」と回答した場合、それは容量増加プロジェクトのEIAではありません。 - 質問(1)に「いいえ」、質問(2)に「はい」と回答した場合、容量増加プロジェクトについてEIAを実施する必要があります。 - 両方の質問に「いいえ」と答えた場合、それは容量増加プロジェクトのEIAではありません。これを参照して、ビジネスの特定のケースに適用できます。	Đề trả lời câu hỏi thì cần có thông tin cụ thể hơn về chủng loại sản phẩm, công suất trước và sau khi nâng công suất, vị trí thực hiện dự án, quy mô vốn đầu tư, thực trạng triển khai... Có 02 câu hỏi nguyên tắc để xác định như sau: (1) Hiện tại đã thực hiện việc nâng công suất? (2) Tổng công suất (cả phần đang sản xuất và phần dự kiến nâng công suất) có đúng là thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III hoặc phần II, phần III Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/ND-CP không? - Nếu trả lời "Yes" cho cả 2 câu hỏi trên thì doanh nghiệp đang vi phạm quy định về ĐTM và bị xử lý theo quy định của pháp luật. - Nếu trả lời "Yes" cho câu (1) và "No" cho câu (2) thì không phải ĐTM cho dự án nâng công suất. - Nếu trả lời "No" cho câu (1) và "Yes" cho câu (2) thì phải thực hiện ĐTM cho dự án nâng công suất. - Nếu trả lời "No" cho cả 2 câu hỏi thì không phải ĐTM cho dự án nâng công suất. Quý vị có thể tham khảo để áp dụng cho trường hợp cụ thể của doanh nghiệp mình
20	当社は2020年から正式に運営されており、現在、当社は2023年末にMTライセンスを取得していますが、投資証明書を変更する予定です。機械や設備をさらに購入しても、処理能力は変わらず、廃水、ゴミ、排出物に対する環境保護活動も変わらない場合、企業はDTMをやり直す必要がありますか？	E xin phép hỏi 1 câu như sau: Công ty đã đi vào hoạt động chính thức từ năm 2020. Hiện tại công ty đã có giấy phép MT cuối năm 2023. Tuy nhiên công ty đang có ý định muốn thay đổi chứng nhận đầu tư để tăng vốn đầu tư mua thêm thiết bị máy móc, nhưng công suất ko thay đổi, công trình bảo vệ môi trường nước thải, rác thải, khí thải không thay đổi thì doanh nghiệp có phải làm lại ĐTM hay không?	生産能力の増強や新製品の追加を伴わずに、追加の機械や設備に投資するケースは、現実には起こりそうにありません。それは不合理と思われます。ただし、施設の規模が増大しない、容量が増加しない、または排出量が増加しない場合には、原則として環境手続きを行う必要はありません。	Trường hợp đầu tư thêm máy móc, thiết bị nhưng không tăng công suất hoặc không bổ sung sản phẩm mới là khó xảy ra trên thực tế. Điều đó là vô lý. Tuy nhiên, về nguyên tắc, nếu cơ sở không tăng quy mô, không tăng công suất, không gia tăng phát thải thì không phải thực hiện thủ tục về môi trường
21	私の会社ではFRP複合プラスチック製の部品を製造しており、使用済みのプラスチック容器を廃棄しています。ドラム缶が有害廃棄物か通常産業廃棄物かを判断するにはどうすればよいですか？	Thưa BTC công ty e sản xuất linh kiện bằng nhựa composite FRP, có thải ra các thùng phi chứa nhựa đã sử dụng. Làm thế nào để xác định các thùng phi đó là chất thải nguy hại hay rác thải công nghiệp thông thường ạ?	プレゼンテーションの範囲外です。企業は有害廃棄物に関する規制、特に回覧番号02/2022/TT-BTNMTで発行された有害廃棄物のリストと比較して決定します。	Nằm ngoài phạm vi bài trình bày. Doanh nghiệp đối chiếu với quy định về chất thải nguy hại, cụ thể là danh mục chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để xác định
22	当社の敷地面積は3000平方メートルを超え、生産プロセス中に3台のはんだ付け機があり、溶接プロセス中には蒸気(煙)のみが生成され、3台の機械に対して3つの別々のフィルタータンクが装備されています。この溶接ヒュームが排気ガスとみなされるかどうか、また環境保護プロジェクトに投資する必要があるかどうかがわかりません。	Công ty có diện tích hơn 3000m2, công ty có phát sinh 3 máy hàn thiếc trong quá trình sản xuất, trong quá trình hàn chì phát sinh ra hơi (khói), công ty đã tự trang bị 3 thùng lọc riêng cho 3 máy, không biết khói hàn này có được xem là khí thải, và có cần phải đầu tư công trình bảo vệ môi trường không ạ	プレゼンテーションの範囲外です。溶接ヒュームが環境基準(作業環境を含む)に適合しない場合には、原則として処理が必要となります。	Nằm ngoài phạm vi bài trình bày. Về nguyên tắc, nếu khói hàn không đạt quy chuẩn môi trường (kể cả môi trường lao động) thì phải xử lý

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
23	2023年8月にライセンスを取得しました。ライセンスが付与された後、企業は追加の機器/機械を追加できます。この機器/機械を追加すると、GPMT を調整する必要が生じますか？ 運転免許証の調整・更新に必要な条件は何ですか？	BTC cho hỏi, DN đã được cấp GPMT tháng 8/2023. Sau khi được cấp GPMT, DN có bổ sung thêm thiết bị/máy móc. Việc bổ sung thiết bị/máy móc này có dẫn đến phải điều chỉnh GPMT hay không? Điều kiện bắt buộc phải điều chỉnh/làm mới GPMT là gì?	情報は14番に記載されています。	Thông tin đã được trình bày ở mục stt 14
24	政令 08/2022/ND-CP 第 102 条によると、環境情報の開示に関する規制があり、具体的には次のとおりです。「プロジェクト所有者、施設などの電子情報ページ、またはコミュニケーションの本部での開示」投資プロジェクトが実施されるレベルの人民委員会、... 私の会社にはライセンスが与えられていますが、現在、私の会社には独自の電子情報ページがなく、政令には、コミュニケーションレベルの人民委員会の本部でそれを公表する方法についての具体的な指示はありません。専門家の方はこの件についてアドバイスをいただけませんか？	Theo Điều 102, ND 08/2022/ND-CP có quy định về việc CÔNG KHAI THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG, cụ thể là: " Công khai trên trang thông tin điện tử của chủ DA đầu tư, cơ sở,...hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi thực hiện dự án đầu tư..." Công ty em đã được cấp GPMT, tuy nhiên công ty em hiện chưa có trang thông tin điện tử riêng và trong ND thì lại chưa có hướng dẫn cụ thể về việc công khai tại trụ sở UBND cấp xã như thế nào. Xin nhờ các chuyên gia có hướng dẫn cho trường hợp này ạ. Em xin cảm ơn nhiều!	環境保護法第 114 条第 3 項 d では、次のように規定されています。政府機関、組織、個人は、政府機関、組織の情報ポータル、またはその他の形式での規制に従って、環境情報を公表します。したがって、事業主・施設所有者は、環境保護法第114条第1項に規定されるとおり、プロジェクトが実施される/工場が所在するウェブサイトで公表する（該当する場合）か、別の形式で公表する（第 1 項 a 項に規定されているとおり、プロジェクトが実施される/工場が所在するコミュニケーション人民委員会の本部で公表する）ことを選択できます。 政令 No. 08/2022/ND-CP第 102 条)	Tại điểm d, khoản 3, Điều 114, Luật BVMT quy định: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân công khai thông tin về môi trường theo quy định trên công thông tin của cơ quan, tổ chức hoặc bằng hình thức khác. Như vậy, Chủ dự án/Chủ cơ sở phải công khai "các thông tin về môi trường" quy định tại khoản 1, Điều 114, Luật BVMT. V à có thể lựa chọn hình thức "công khai trên trang Web của mình" (nếu có) hoặc công khai bằng hình thức khác (công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án/nơi có nhà máy theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 102, Nghị định số 08/2022/ND-CP)
25	私の会社は電子部品を生産しており、生産能力は 1,280 万製品/年ですが、重量に換算すると 1,000 トン/年未満ですが、グループ II に属しますか？	Bộ tài nguyên môi trường cần xem lại quy định về quy mô của dự án (nhóm) tính theo đơn vị số lượng và khối lượng vì có những dự án tính theo số lượng thì rất lớn nhưng quy ra khối lượng thì rất nhỏ.	有効でありたいご意見です。 実際、天然資源環境省はプロジェクトのグループ化リストを見直しており、この意見も修正・補足検討課題の一つとなっています。	Ý kiến xác đáng và xin được ghi nhận. Trên thực tế, Bộ TN&MT đang rà soát lại danh mục phân nhóm dự án và ý kiến này cũng là một trong các vấn đề được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung
26	廃棄物処理施設の試運転問題についてお伺いいたします。当社の工場は2013年から操業しており、グループ3投資プロジェクトに該当するタイプに属し、2023年に地区レベルの環境ライセンスを取得し、2024年初めに認可を取得しました。当社は廃棄物処理施設の試験運用を行うことになりました（政令 08/2022/ND-CP を読みました。当社の機械は試験運用の対象ではありません）。したがって、この問題を規制する他の法的要件があるかどうか、または上記の問題の解決に役立つかどうかを ISPONRE から教えていただければ幸いです。	Cho em xin hỏi về vấn đề vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Nhà máy bên em đã đi vào hoạt động từ năm 2013, thuộc loại hình tương ứng với dự án đầu tư nhóm 3. Năm 2023 bên em đã làm GPMT cấp huyện và được cấp phép vào đầu năm 2024. Tuy nhiên, trong GPMT thì đơn vị phê duyệt yêu cầu bên em phải vận hành thử công trình xử lý chất thải (Em có đọc nghị định 08/2022/ND-CP thì nhà máy bên em không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm). Vì vậy, rất mong ISPONRE có thể cho em biết có yêu cầu luật định nào khác quy định về vấn đề này không hoặc giải đáp vấn đề trên giúp em? Em xin chân thành cảm ơn ạ.	政令第 31 条第 4 項に基づき、08/ND-CP: 「環境保護法第 39 条第 2 項に規定される事業所、集中生産、ビジネスおよびサービスゾーン、産業クラスターの所有者は、事業所、集中生産、ビジネスの廃棄物処理作業の試行を実施しなければなりません」、環境ライセンスが付与された場合を除き、環境ライセンスを取得した後、本条の規定に従って、サービスエリア、および産業クラスターを構成する環境ライセンスを有します。」したがって、貴社は 2013 年から事業を開始していますが、これまでコンポーネント環境ライセンスを取得していませんでした。2024 年に発行される環境ライセンスの内容に従って廃棄物処理事業を試運転する必要があります。	Căn cứ khoản 4, điều 31, Nghị định số 08/ND-CP: "Chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều này sau khi được cấp giấy phép môi trường, trừ trường hợp đã có giấy phép môi trường thành phần". Do đó, mặc dù công ty mình đã vận hành từ năm 2013 nhưng trước đó chưa có giấy phép môi trường thành phần thì bắt buộc vẫn phải vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải trong GPMT được cấp năm 2024.
27	環境ライセンスに関して次の質問をしたいと考えています。 1. 年間 1,200kg を超える有害廃棄物を排出する企業は、環境ライセンスを申請する必要があります。しかし、前年の生成量が 1,200 kg を超えていたのに、プロセスを変更した後は年間 1,200 kg 未満になった場合、gpmt を行わないのは正しいでしょうか？長年にわたる平均発生量に基づいて決定するのか、それとも直近の年に基づいて計算するのか？ 2. 環境ライセンス文書について相談した企業は、有害廃棄物を生成する施設で事業登録を行う必要があると言われます。それは一般的な規則に従って正しいですか？	1. Doanh nghiệp năm được phát sinh chất thải nguy hại > 1,200kg/năm thì phải làm giấy phép môi trường. Tuy nhiên nếu các năm trước phát sinh > 1,200 kg, nhưng sau khi thay đổi quy trình chỉ còn < 1,200 kg/năm thì không làm gpmt có đúng không? Căn cứ vào lượng phát sinh trung bình nhiều năm để xác định hay tính theo năm gần nhất? 2. Doanh nghiệp có từng tham vấn hồ sơ giấy phép môi trường thì được cho biết phải có đăng ký kinh doanh tại cơ sở phát sinh chất thải nguy hại. Điều đó có đúng theo quy định chung không?	1. 環境ライセンス申請を行うかどうかを決定するには、多くの要因に基づいて決定する必要があります。運用段階で生成される有害廃棄物の量 + 月ごとに計算された有害廃棄物の量 (100 kg/月) または年平均 (1,200 kg/年) + 有害廃棄物の量を計算する時期は、環境保護法、政令 No. 08/ND-CP、通達 No. 02/TT-BTNMT が発効した日以降の生産プロセス + ... 2. 企業登録情報は、投資に関して国家管理機関に登録されたプロジェクト所有者/施設所有者の情報です。有害廃棄物を発生する施設がその施設の所有者に属している場合、環境ライセンスの発行手続き（書類の相談や環境ライセンス申請のための書類の提出のステップを含む）を行う際、事業者登録は環境ライセンスの構成要素の1つとなります。規定に基づく添付書類。	1. Để xác định có phải làm GPMT hay không thì phải căn cứ vào nhiều yếu tố: Khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành + Khối lượng CTNH tính theo tháng (100 kg/tháng) hoặc tính trung bình theo năm (1.200 kg/năm) + Thời điểm tính lượng CTNH là quá trình sản xuất sau thời điểm Luật BVMT, Nghị định số 08/ND-CP, Thông tư số 02/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành + ... 2. Thông tin đăng ký kinh doanh là thông tin của Chủ dự án/Chủ cơ sở đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Nếu cơ sở phát sinh CTNH đó là của Chủ cơ sở thì khi làm thủ tục cấp GPMT (trong đó có bước tham vấn hồ sơ, trình hồ sơ xin cấp GPMT) thì bản đăng ký kinh doanh là 1 trong số các thành phần hồ sơ đính kèm theo quy định.

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
28	7～10年の環境浄化期間中、企業は現在のように廃水を監視し、年末に環境保護報告書を送付する必要がなくなりましたか？	Trong thời hạn 7-10 năm của GPMT thì doanh nghiệp không cần quan trắc nước thải, khí thải để gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường cuối năm như hiện nay nữa đúng k a ?	環境保全活動に関する報告書（年次報告書または臨時報告書）の送付は、環境保護法第119条第1項に規定されています。環境保護年次報告書の主な内容は、環境保護法第119条第3項に規定されています。「定期的な環境モニタリングと監視、自動かつ継続的なモニタリングの結果」（ポイントc）という内容が含まれます。したがって、プロジェクト所有者/施設所有者は、環境ライセンスの内容（発行された環境ライセンスに記載されている場合、廃水、排出量の監視などを含む）を完全に実施する必要があります。	Việc gửi báo cáo công tác BVMT (báo cáo hằng năm hoặc báo cáo đột xuất) được quy định tại khoản 1, Điều 119, Luật BVMT. Nội dung chính của báo cáo công tác BVMT hằng năm được quy định tại khoản 3, Điều 119, Luật BVMT; trong đó có nội dung "Kết quả quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục" (điểm c). Do đó, Chủ dự án/Chủ cơ sở phải thực hiện đầy đủ các nội dung trong GPMT (kể cả việc quan trắc nước thải, khí thải,... nếu có đề cập trong GPMT được cấp)
29	当社は2017年から操業しており、産業管理委員会によって承認された環境保護計画を持っています。現時点ではプロジェクトの規模は変わっていません。環境ライセンスを実施する場合、どの部門がそれを承認しますか？	Công ty chúng tôi hoạt động từ năm 2017, đã có kế hoạch bảo vệ môi trường do Ban QLKC phê duyệt. Hiện tại quy mô dự án không thay đổi. Khi thực hiện giấy phép môi trường sẽ do đơn vị nào phê duyệt ?	施設所有者は、環境保護法第28条第1項に規定された基準と比較し、自らの施設がどのグループ（I、II、III、IV）に属するかを決定する。その上で、環境保護法第41条（環境ライセンスの発行権限）の規定に基づき、どのレベルに属するかを決定します。KBMは工業団地管理委員会の認証を受けていますが、環境ライセンスの発行権限は管理委員会ではない可能性があります。工業団地（環境保護法第41条に基づく環境ライセンスの発行権限）	Chủ cơ sở đối chiếu với các tiêu chí quy định tại khoản 1, Điều 28, Luật BVMT để xác định xem cơ sở của mình thuộc nhóm nào (I, II, III, IV). Trên cơ sở đó, căn cứ vào quy định tại Điều 41, Luật BVMT (thẩm quyền cấp GPMT) để xác định được cấp nào sẽ xem: Mặc dù KBM do BQL KCN xác nhận nhưng thẩm quyền cấp GPMT có thể không phải là BQL KCN (thẩm quyền cấp GPMT căn cứ vào Điều 41, Luật BVMT)
30	私の会社は工業団地内にあります。生産活動においては、機械加工の際に冷却油が使用されます。加工機が稼働すると油蒸気が発生します。しかし、会社には加工機用の油蒸気を回収する装置があります。油蒸気は機械に収集され、油は濾過されて工場の作業環境に排出され、毎年の作業環境測定結果は保健省の基準と比較して閾値を超えません。そこで質問させていただきます。 1. 加工機械は排出源とみなされますか？ 2. 油蒸気抽出器の後ろのきれいな空気は排気ガスとみなされますか？ 環境ライセンスの対象ですか？ 3. 油蒸気抽出器の後ろのきれいな空気を工場の外に配管する必要がありますか？ この問題の法的根拠を引用するのを手伝ってください。	Công ty em nằm trong KCN. Trong hoạt động sản xuất có sử dụng dầu làm mát trong quá trình gia công cơ khí. Khi máy gia công hoạt động có phát sinh hơi dầu. Tuy nhiên công ty có thiết bị thu hơi dầu cho máy gia công. Hơi dầu sau khi được thu vào máy, lọc dầu sau đó thải khí sạch vào môi trường làm việc của nhà xưởng. Kết quả đo môi trường trường lao động hàng năm không bị vượt ngưỡng so với tiêu chuẩn của Bộ y tế. Vậy cho em hỏi: 1.Máy gia công có được coi là nguồn phát sinh khí thải hay không? 2.Khí sạch sau máy hút hơi dầu được coi là khí thải hay không? Có thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường hay không? 3.Khí sạch sau máy hút hơi dầu có bắt buộc phải dẫn ra ngoài nhà máy hay không? Nhờ bác trích dẫn giúp các căn cứ pháp lý cho vấn đề này.	環境保護法第3条第18項の規定によると、「廃棄物とは、生産、事業、サービス、日常生活、またはその他の活動から排出される固体、液体、気体またはその他の形態の物質です。」この定義によれば、機械加工機から発生する油蒸気が排気ガスであると判断する根拠が得られます。したがって、本件は環境保護法第39条の規定に基づく環境ライセンスの対象となります（処理後の清浄ガスは原則として工場外に排出する必要があります）。	Theo quy định tại khoản 18 Điều 3 Luật BVMT: "Chất thải là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác". Theo định nghĩa này thì có căn cứ để xác định hơi dầu phát sinh từ máy gia công cơ khí là khí thải. Do đó, trường hợp này thuộc đối tượng làm GPMT theo quy định tại Điều 39, Luật BVMT (về nguyên tắc thì khí sạch sau xử lý phải được xả thải ra ngoài nhà xưởng)
31	環境ライセンスの公表はどのような形で行われるのでしょうか？ ライセンス番号、発行日、発行単位に関する情報を企業の Web サイトに掲載するという宣伝方法は十分に合法ですか？	Em xin hỏi: Các hình thức công khai giấy phép môi trường là gì? Hình thức công khai bằng cách đăng bài trên website công ty có thông tin số GPMT, ngày cấp, đơn vị cấp đã đủ tính pháp lý chưa ạ?	回答は24番と同様です。	Câu trả lời tương tự stt 24
32	私の会社はドンナイのピエンホア工業団地に属しており、詳細な環境保護プロジェクトの承認を受けています。企業が生活廃水処理技術を変更する場合（廃水処理システムの稼働を停止し、集中処理システムに廃水を排出する）、施設の環境ライセンス発行手続きはどのレベルで承認されますか？	Thưa BTC, Công ty em thuộc KCN Biên Hòa-Đồng Nai, đã được phê duyệt Đề án BVMT chi tiết. Nếu công ty có thay đổi công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt (ngừng vận hành HTXL nước thải và xả thải vào hệ thống xử lý tập trung) thì Thủ tục cấp GPMT của cơ sở do cấp nào thẩm duyệt. Xin cảm ơn	回答は29番と同様です。	Câu trả lời tương tự stt 29

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
33	<p>環境法第 28 条第 3 項 a によると、生産規模と環境汚染のリスクの高さに応じてグループを決定します。実際、規模の点で、当社の事業は非常に大きいです。ただし、操作の種類はコンポーネントをインポートして組み立てを行うだけです。エクスポート、キャスト、焼成等はいりません。排水に関しては、QCVN 14:2008 による基準を満たした生活排水であり、工業団地の排水処理システムにも接続されています。排出量に関しては、排出量をごさいます。廃棄物に関しては、産業固形廃棄物が発生しますが、量は多くなく、有能な業者によって収集および処理されます。では、このような状況では、私たちのビジネスはどのグループに分類され、環境ライセンスを申請する必要があるのでしょうか？</p>	<p>Theo điểm a, khoản 3 điều 28 luật môi trường: Xác định nhóm theo quy mô sản xuất và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao... Trên thực tế, xét về quy mô thì doanh nghiệp chúng tôi rất lớn. Tuy nhiên loại hình hoạt động chỉ đơn thuần là nhập linh kiện về và tiến hành lắp ráp. Không thực hiện sản xuất hay đúc, nung, v.v. Về nước thải là nước thải sinh hoạt, đạt chuẩn theo QCVN 14:2008 và cũng được đấu nối với hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp. Về khí thải, không phát sinh. Về chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thì có phát sinh nhưng không nhiều và được ủy thác thu gom và xử lý bởi nhà thầu có đủ chức năng. Vậy, với điều kiện như vậy, doanh nghiệp chúng tôi được xác định là nhóm mấy và có cần thiết phải xin cấp phép môi trường không?</p>	<p>投資プロジェクトの分類は、環境保護法第 28 条第 1 項に指定された基準に基づいています。したがって、プロジェクト所有者/施設所有者は、投資プロジェクト/施設の情報（範囲、規模、容量など）をこの規制と比較して、投資プロジェクト/施設のグループを決定します。生成された排水が工業団地の集中排水処理ステーションに接続されている場合、排出が発生しない場合、プロジェクト/施設の所有者は、運用段階で生成されるハードウェアの量を決定する必要があります（プロジェクト/施設の運用中に発生する可能性のある最大量：100 kg/月以上、または平均 1,200 kg/月）年以上）の場合、ライセンスの申請を行う必要があります。</p>	<p>Việc phân loại Dự án đầu tư dựa vào các tiêu chí quy định tại khoản 1, Điều 28, Luật BVMT. Vì vậy, Chủ dự án/Chủ cơ sở đối chiếu các thông tin của Dự án đầu tư/cơ sở (phạm vi, quy mô, công suất,...) với quy định này để xác định nhóm của Dự án đầu tư/cơ sở. Nếu nước thải phát sinh đã đấu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN; khí thải không phát sinh thì Chủ dự án/Chủ cơ sở phải xác định lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành (lượng phát sinh lớn nhất có thể xảy ra trong suốt quá trình hoạt động của Dự án/cơ sở: Trên 100 kg/tháng hoặc tính trung bình 1.200 kg/năm trở lên) thì phải làm hồ sơ xin cấp GPMT.</p>
34	<p>現在、当社はプロジェクトの能力（年間 100 万製品以上）に基づいてライセンスを準備しており、工業団地の集中排水処理システムに接続された排水処理システムを備えています。しかし、スライド 18 では、プロジェクトのキャパシティについては言及されていないため、私たちの施設は環境ライセンスを免除されるのでしょうか？</p>	<p>Công ty TNHH YAZAKI HP Việt Nam có câu hỏi như sau: Hiện tại YHV đang lập GPMT dựa trên công suất của dự án (trên 1 triệu sản phẩm/ 1 năm) và có hệ thống xử lý nước thải đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Nhưng trong Slide 18 không đề cập đến công suất của dự án thì cơ sở chúng tôi có được miễn làm GPMT không? Xin cảm ơn!</p>	<p>環境ライセンス申請手続きの免除または手続きの必要性：貴社は、環境保護法第39条の規定に基づき、環境ライセンス申請手続きを行う必要があるもの（排水を発生させ、処理しなければならない事業/施設）、集中排水処理施設に接続されていない排水/廃水、排ガスを処理しなければならないもの、...、環境ライセンス申請を行わなければならないもの）</p>	<p>Việc được miễn hay phải làm thủ tục xin cấp GPMT: Quý Công ty phải căn cứ vào quy định tại Điều 39, Luật BVMT/đối tượng phải làm thủ tục xin cấp GPMT (Dự án/cơ sở có phát sinh nước thải phải xử lý/nước thải không phải xử lý;...thì phải làm hồ sơ xin cấp GPMT)</p>
35	<p>工場で操業後に廃棄物を削減する設備を導入する場合もEIAの変更申請や環境ライセンスの再取得等の対応は必要でしょうか？</p>	<p>Nếu một nhà máy sử dụng thiết bị để giảm thiểu chất thải sau khi hoạt động, có cần phải xin thay đổi ĐTM hoặc xin lại giấy phép môi trường không?</p>	<p>工場がすでに操業している施設である場合、環境手続きは環境ライセンスに関するもののみです（工場が拡張プロジェクトの実施、生産能力の増加などを計画している場合を除きます）：その場合、貴社は、環境保護法第44条の規定に従って比較し、従わなければならない手続き（運転免許証の調整/再発行など）を決定します。</p>	<p>Nếu 1 nhà máy đang là cơ sở hoạt động rồi thì các thủ tục môi trường chỉ liên quan đến GPMT (trừ trường hợp nhà máy đó có kế hoạch thực hiện Dự án mở rộng, nâng công suất,...): Khi đó quý Công ty đối chiếu theo quy định tại Điều 44, Luật BVMT để xác định thủ tục mình phải thực hiện (điều chỉnh/cấp lại GPMT,...)</p>
36	<p>グループ I プロジェクトの場合、廃水、排気ガス、有害廃棄物が発生しない場合（100kg/月未満）、環境ライセンス申請を行う必要はありません。ということは、この規制は新規プロジェクトにのみ適用されるということですね？ それでは、現在と比較して追加の有害廃棄物（月あたり100kg未満）を発生させることなく運営され、生産規模を拡大/増加しているプロジェクトには、この環境ライセンス規制を適用することができますか？</p>	<p>Anh vui lòng cho em hỏi. Đối với dự án nhóm I, việc không phát sinh nước thải, khí thải và CTNH (<100kg/tháng) thì không cần làm GPMT. Vậy quy định này chỉ áp dụng cho dự án mới đúng không anh! Vậy đối với các dự án đang hoạt động và mở rộng/tăng quy mô sản xuất mà không phát sinh thêm CTNH (<100kg/tháng) so với hiện tại thì có được áp dụng theo quy định này về GPMT không ạ!</p>	<p>公式稼働時が月あたり 100 kg 未満で廃水/排出物/有害廃棄物が発生しない場合、環境ライセンスは必要ありません。この規制は新規プロジェクトと施設の両方に適用されます。施設は稼働中ですが、規模や容量などを増やすための投資プロジェクトを立ち上げたい場合など、そのプロジェクトに対して EIA/環境ライセンスを行う必要があるか、EIA が免除される場合があります（規模/容量を増やすためのプロジェクトの EIA、または、実現可能性調査の時点でそのプロジェクトの EIA を申請します（プロジェクトが（EIA の対象ではない）、または操業開始時に環境ライセンス申請が免除され、プロジェクトで廃水/排出物/有害廃棄物が 100 kg/月未満で発生しない場合））</p>	<p>Trường hợp không phát sinh nước thải/khí thải/CTNH khi đi vào vận hành chính thức < 100 kg/tháng thì không phải làm GPMT: Quy định này áp dụng cho cả Dự án mới và cơ sở. Cơ sở đang hoạt động nhưng muốn lập dự án đầu tư tăng quy mô/công suất,... thì có thể phải làm ĐTM/GPMT cho dự án đó hoặc được miễn GPMT (ĐTM cho dự án tăng quy mô/công suất,... hoặc xin cấp GPMT cho dự án đó ở thời điểm nghiên cứu khả thi (nếu dự án đó không thuộc đối tượng phải làm ĐTM) hoặc được miễn làm GPMT khi đi vào hoạt động mà Dự án đó không phát sinh nước thải/khí thải/CTNH < 100 kg/tháng).</p>
37	<p>企業はグループ 1 に属し、EIA は 2014 年に省人民委員会によって承認されました（2005 年環境保護法）。この場合、環境ライセンスを発行する権限は天然資源環境省に属するのか、それとも人民委員会に属するのか教えてください。</p>	<p>DN thuộc nhóm 1 và ĐTM được UBND cấp tỉnh chấp thuận năm 2014 (luật BVMT 2005), hỏi thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trong trường hợp này thuộc về Bộ TN&MT hay thuộc UBND.</p>	<p>本プロジェクトはグループ 1 に属するが、省人民委員会による EIA の承認を受けているため、省人民委員会は環境保護法第 41 条第 3 項 c の規定に基づき、環境ライセンスを発行します。</p>	<p>Tuy Dự án thuộc nhóm 1 nhưng đã được UBND tỉnh phê duyệt ĐTM thì UBND tỉnh sẽ cấp GPMT theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 41, Luật BVMT</p>

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
38	現在、当社はプロジェクトの能力（年間 100 万製品以上）に基づいてライセンスを準備しており、工業団地の集中廃水処理システムに接続された廃水処理システムを備えています。しかし、スライド 18 では、プロジェクトのキャパシティについては言及されていないため、私たちの施設は環境ライセンスを免除されるのでしょうか？	Gửi ban tổ chức JCCI: Công ty TNHH YAZAKI HP Việt Nam có câu hỏi như sau: Hiện tại YHV đang lập GPMT dựa trên công suất của dự án (trên 1 triệu sản phẩm/ 1 năm) và có hệ thống xử lý nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Nhưng trong Slide 18 không đề cập đến công suất của dự án thì cơ sở chúng tôi có được miễn làm GPMT không? Xin cảm ơn!	34番と同様の回答です。	Trả lời tương tự stt 34
39	有害物質（有害廃棄物）の具体的な内容を教えてください。	Xin cho biết nội dung cụ thể của chất thải nguy hại.	プレゼンテーションの範囲を超えており、質問の範囲が広すぎます。	Nằm ngoài phạm vi bài trình bày và nội dung hỏi quá rộng
40	企業が環境保護プロジェクトの承認リスト外の新しい機械や設備（廃棄物発生源）に投資する場合、承認機関に通知する必要がありますか？	Công ty có đầu tư thêm máy móc, thiết bị mới (có phát sinh nguồn thải) nằm ngoài danh mục được phê duyệt trong đề án BVMT thì có phải thông báo cho cơ quan phê duyệt không?	EIAが必要となる程度の規模・能力の拡大がある場合は、規模・能力の拡大プロジェクトについてEIAを実施しなければなりません。 EIAが必要なプロジェクトの決定方法：政令の付録IIIまたは付録IVのII部、III部に指定された対象に該当する総規模・生産能力（現在生産中の部分と生産能力の増加が見込まれる部分を含む）を有する。	Trường hợp có tăng quy mô, công suất đến mức phải ĐTM thì phải thực hiện ĐTM cho dự án tăng quy mô, công suất. Cách xác định dự án đến mức phải ĐTM: có tổng quy mô, công suất (gồm cả phần đang sản xuất và phần dự kiến nâng công suất) thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III hoặc phần II, phần III Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
41	企業にはライセンスが付与されています。ただし、後に他の機械や設備が追加されました。企業は、この機械や設備を追加して GPMT を調整/更新する必要がありますか？ GPMT を調整するにはどのような条件が必要ですか？	DN đã được cấp GPMT. Tuy nhiên, sau đó có bổ sung thêm 1 số máy móc thiết bị khác. Việc thêm máy móc thiết bị này DN có cần điều chỉnh/ cập nhật GPMT không? Điều kiện bắt buộc phải điều chỉnh GPMT là gì?	14番と同様の回答です。	Trả lời tương tự stt 14
42	EIAや環境ライセンスが必要かどうかをするために重要なものが"プロジェクトがどのグループに属するか"と認識しております。グループを判断するため一般環境影響評価の前にMONRE等に書類の提出が必要なのでしょうか？	Chúng tôi nhận thấy rằng điều quan trọng trong việc xác định xem có cần phải có EIA hay giấy phép môi trường hay không là "dự án thuộc nhóm nào". Có cần nộp hồ sơ cho Bộ TN&MT... trước ĐTM SƠ BỘ để xác định nhóm không?	原則として、プロジェクトがどのグループに属するかを決定するのはプロジェクトオーナーの責任です。 プロジェクト所有者自身が、または環境コンサルタントを雇って、プロジェクトがどのグループに属するかを決定し、規制に従って対応する環境手順を実行します。	Về nguyên tắc, việc xác định dự án thuộc nhóm nào là trách nhiệm của chủ dự án. Chủ dự án tự mình hoặc thuê tư vấn môi trường để xác định dự án của mình thuộc nhóm nào và thực hiện thủ tục môi trường tương ứng theo quy định.
43	廃棄物処理施設の試運転問題についてお伺いいたします。当社の工場は2013年から操業しており、グループ3投資プロジェクトに該当するタイプに属し、2023年に地区レベルの環境ライセンスを取得し、2024年初めに認可を取得しました。当社は廃棄物処理施設の試験運用を行うことになりました（政令 08/2022/ND-CP を読みました。当社の機械は試験運用の対象ではありません）。したがって、この問題を規制する他の法的要件があるかどうか、または上記の問題の解決に役立つかどうかを ISPONRE から教えていただければ幸いです。	Cho em xin hỏi về vấn đề vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Nhà máy bên em đã đi vào hoạt động từ năm 2013, thuộc loại hình tương ứng với dự án đầu tư nhóm 3. Năm 2023 bên em đã làm GPMT cấp huyện và được cấp phép vào đầu năm 2024. Tuy nhiên, trong GPMT thì đơn vị phê duyệt yêu cầu bên em phải vận hành thử công trình xử lý chất thải (Em có đọc nghị định 08/2022/ND-CP thì nhà máy bên em không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm). Vì vậy, rất mong ISPONRE có thể cho em biết có yêu cầu luật định nào khác quy định về vấn đề này không ạ hoặc giải đáp vấn đề trên giúp em? Em xin chân thành cảm ơn ạ.	26番と同様の回答です。	Trả lời tương tự stt 26
44	スライド18、「排水処理場に排水を流すプロジェクトは環境ライセンスの申請・不要」と記載があるが、この排水処理場とは、誰が管理している処理場なのでしょうか？	Slide 18 nêu rõ "Dự án xả nước thải vào nhà máy xử lý nước thải không cần phải xin giấy phép môi trường" nhưng ai đang quản lý nhà máy xử lý nước thải này?	廃水を排水処理プラントに接続するプロジェクトの場合、排水に関する環境ライセンス申請の対象にはなりません。インフラ所有者/浄水場の所有者は、環境ライセンスの申請を完了する必要があります。	Đối với các Dự án đầu nối nước thải vào nhà máy xử lý nước thải không thuộc đối tượng phải xin giấy phép môi trường về nước thải. Đơn vị chủ hạ tầng/chủ nhà máy xử lý nước thải phải thực hiện hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường

No.	Question 質問		回答 Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
45	企業が 1997 年に EIA を承認され、現在プロジェクトをより大規模にアップグレードしたい場合、まず投資ライセンスを変更するべきでしょうか、それとも新しい能力のための予備 EIA を構築するのが先なのでしょうか？申請書に添付される技術的法的文書は何ですか？	Xin cho e hỏi, doanh nghiệp đã được phê duyệt ĐTM 1997 nay muốn nâng cấp dự án lên quy mô lớn hơn thì sẽ thay đổi giấy phép đầu tư trước hay là xây dựng ĐTM sơ bộ cho công suất mới trước ạ? Hồ sơ pháp lý kỹ thuật kèm theo hồ sơ là gì ạ?	プロジェクト所有者は、まず規制と比較してプロジェクトグループを特定し、次に対応する環境手順を決定する必要があります。プロジェクトグループを特定するには、そのプロジェクトに関する特定の情報が必要であり、政令 No. 08/2022/ND-CP の付録 III、IV、および V と比較します。原則として、企業が環境保護に関する法律の規定に従ってグループ投資プロジェクトの規模までプロジェクト能力を拡大または増加する場合、環境保護法の規定に従って投資方針に合意した後、受け入れ決定が変更または調整される可能性があります。投資法の規定により、環境への影響の事前評価が必要となります。	Chủ dự án cần đối chiếu với quy định để xác định nhóm dự án trước, sau đó xác định thủ tục môi trường tương ứng. Để có thể xác định nhóm dự án thì cần các thông tin cụ thể về dự án đó và đối chiếu với các Phụ lục III, IV và V của Nghị định số 08/2022/ND-CP. Về nguyên tắc, trường hợp doanh nghiệp có mở rộng hoặc nâng công suất dự án lên đến quy mô dự án đầu tư nhóm I theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thuộc đối tượng thay đổi, điều chỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường.
46	企業は環境登録を行っています。ただし、後にいくつかの追加の機械や設備が追加されました。この機械を追加する場合、企業は環境登録書類を報告または調整する必要がありますか？	xin cho hỏi: DN đã Đăng ký môi trường. Tuy nhiên sau đó có bổ sung thêm 1 số máy móc thiết bị. Việc thêm máy móc này thì Doanh nghiệp có phải báo cáo hay điều chỉnh hồ sơ Đăng ký môi trường không ạ!	機械・設備を追加する場合、規模（プロジェクトの総投資額）・生産能力（新旧の合計）が増加する場合、プロジェクトオーナーは、プロジェクトがどのグループに属するかを決定する必要があります。実行する必要がある環境手順を決定します（DKM 手順、EIA 手順、土地使用許可手順なども可能です）。	Khi bổ sung thêm máy móc/thiết bị nếu làm tăng quy mô (tổng mức đầu tư của Dự án)/công suất (tính tổng cả phần cũ và phần mới) thì Chủ dự án phải xác định Dự án thuộc nhóm nào để xác định thủ tục môi trường cần phải thực hiện (có thể vẫn là thủ tục DKM hoặc ĐTM hoặc GPMT).
47	当社は2017年から操業しており、産業管理委員会によって承認された環境保護計画を持っています。現時点ではプロジェクトの規模は変わっていません。環境ライセンスを申請する場合、どの部門がそれを承認しますか？	Công ty chúng tôi hoạt động từ năm 2017, đã có kế hoạch bảo vệ môi trường do Ban QLKC phê duyệt. Hiện tại quy mô dự án không thay đổi. Khi thực hiện giấy phép môi trường sẽ do đơn vị nào phê duyệt?	29番と同様の回答です。	Trả lời tương tự st29
48	CTSEN が企業法に基づいて設立された民間企業なのか、それとも国家機関なのかを知りたいのですが。	Tôi muốn biết CTSEN là công ty tư nhân được thành lập theo Luật Doanh nghiệp hay là tổ chức nhà nước.	CTSEN は、天然資源・環境戦略政策研究所傘下の国家機関であり、天然資源、環境、気候変動に関する科学研究、コンサルティング、トレーニング、サービスの機能を備えています。	CTSEN là tổ chức nhà nước trực thuộc Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, có chức năng nghiên cứu khoa học, tư vấn, đào tạo và dịch vụ về tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu.
49	インターネットで「CTSEN」を検索してみましたが、見つかりません。ウェブサイトをお知らせください。	Tôi đã cố gắng tìm kiếm "CTSEN" trên internet nhưng không tìm thấy. Xin vui lòng cho chúng tôi biết trang web của nó.	CTSEN については、ISPONRE の Web サイトをご覧ください： https://isponre.gov.vn	Thông tin về CTSEN đề nghị xem tại website của ISPONRE: https://isponre.gov.vn
50	現在、私の会社は環境認証を取得していますが、DTM を導入するか環境ライセンスを導入するかわかりません。CTSENが企業向けのコンサルティングサービスを提供しているかどうか教えてください。当社はビズオン省のドンアン 2 工業団地にあります。上記のサービスが利用できる場合は、情報を交換するための連絡方法を提供してください。	Hiện nay doanh nghiệp đang có Giấy xác nhận môi trường và không biết phải thực hiện ĐTM hay Giấy phép môi trường. Vui lòng cho biết CTSEN có cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp? Cty chúng tôi tại KCN Đồng An 2, tỉnh Bình Dương. Nếu có dịch vụ trên, vui lòng cho cách thức liên lạc để trao đổi thông tin.	CTSEN は企業向けにコンサルティング サービスを提供しています。業種、生産規模等の詳細情報をもとにコンサルティングをさせていただきます。連絡先：Ms. Phuong Anh - CTSEN 副所長： dtpanh@isponre.gov.vn	CTSEN có cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp. Việc tư vấn sẽ dựa trên thông tin chi tiết của doanh nghiệp về loại hình doanh nghiệp, quy mô sản xuất,... Thông tin liên hệ: Ms. Phuong Anh - Phó Giám đốc CTSEN: dtpanh@isponre.gov.vn
51	CTSEN の GPMT サービス コンサルティング チームへの連絡を希望します。	Chúng tôi muốn xin contact của nhóm tư vấn dịch vụ GPMT của CTSEN	Mr. Tiếp: 0974500167 - vdtiap@isponre.gov.vn ; Mrs. Lê: 0979552909 - dothihoale87@gmail.com ; Mr. Khoa: 0936078966 - dangkhoa.etms@gmail.com	Mr. Tiếp: 0974500167 - vdtiap@isponre.gov.vn ; Mrs. Lê: 0979552909 - dothihoale87@gmail.com ; Mr. Khoa: 0936078966 - dangkhoa.etms@gmail.com